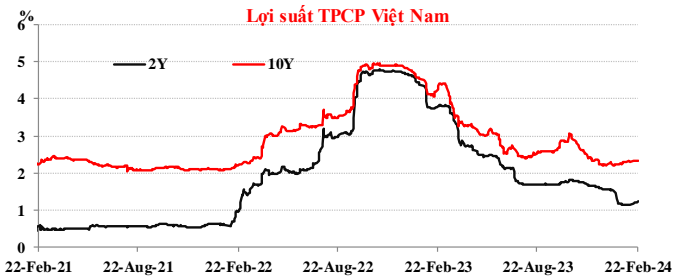


Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	3.75	-0.39	5.19	0.01	3Y	1.26	0.029
1W	3.72	-0.29	5.29	0.00	5Y	1.45	0.018
2W	3.40	0.06	5.34	0.00	7Y	1.86	0.032
1M	2.65	-0.11	5.40	0.00	10Y	2.34	0.018
2M	2.68	-0.01	5.49	0.01	15Y	2.55	0.009
3M	2.83	0.02	5.56	0.01			
6M	4.30	0.04	5.61	0.00			
9M	4.80	0.00	5.67	-0.02			
1Y	5.34	0.06	5.70	-0.03			

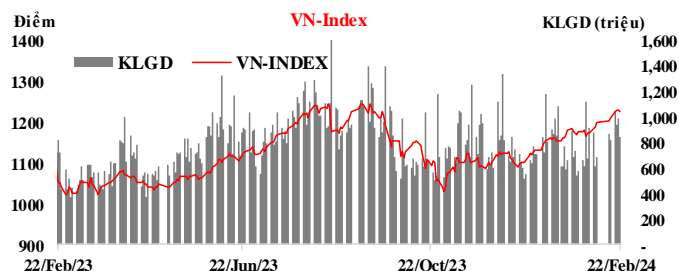


Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TPNNHN 22/02/2024

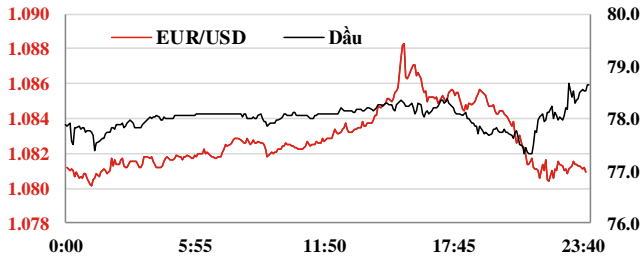
Đơn vị: Tỷ đ.	Tổng KL chào thầu	Tổng KL trúng thầu	Tổng KL đảo hạn	Ròng	KL lưu hành
Reverse Repo	5.000.00	-	-	-	6.037.51
Sell Outright	-	-	-	-	0.00
Tổng					

Chứng khoán ngày 22/02/2024

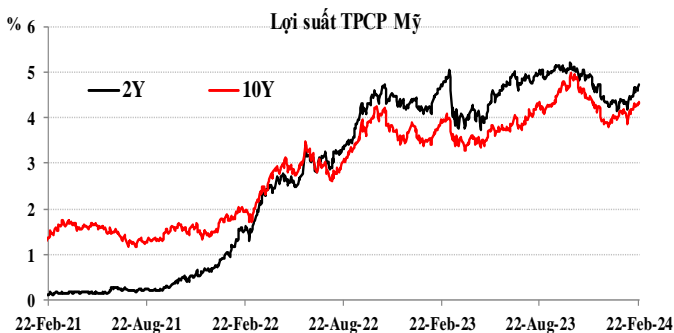
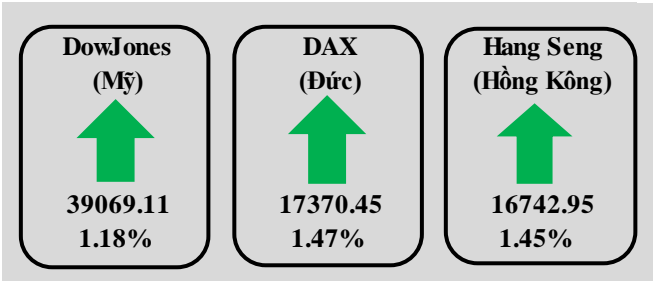
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1227.31	234.01	90.57
%/ngày	-0.222%	0.07%	-0.04%
%/30/12/2022	21.9%	14.0%	26.4%
KLGD (tr.d.vj)	840.41	80.71	53.6
GTGD (tỷ đ)	17950.54	1416.28	689.53
NDINN mua (tỷ đ)	908.65	50.52	82.61
NDINN bán (tỷ đ)	1800.58	29.34	5.69


Tin trong nước ngày 22/02

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 22/02, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.981 VND/USD, giảm 12 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.130 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 24.602 VND/USD, tăng 68 đồng so với phiên 21/02. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng mạnh 120 đồng ở chiều mua vào và 90 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 25.150 VND/USD và 25.220 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 22/02, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,11 – 0,39 đpt ở hầu hết các kỳ hạn từ 1M trở xuống ngoại trừ tăng 0,06 đpt ở kỳ hạn 2W so với phiên trước đó, cụ thể: ON 3,75%; 1W 3,72%; 2W 3,40% và 1M 2,65%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,01 đpt ở kỳ hạn ON trong khi đi ngang ở các kỳ hạn còn lại; giao dịch tại: ON 5,19%; 1W 5,29%; 2W 5,34%, 1M 5,40%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở tất cả các kỳ hạn; chốt phiên ở mức: 3Y 1,26%; 5Y 1,45%; 7Y 1,86%; 10Y 2,34%; 15Y 2,55%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 5.000 tỷ đồng với kỳ hạn 7 ngày, lãi suất vẫn giữ ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố giữ ở mức 6.037,51 tỷ đồng. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN, không có tín phiếu lưu hành trên thị trường.
- Thị trường chứng khoán:** Trên thị trường chứng khoán, tâm lý thận trọng vẫn tiếp tục, thanh khoản giao dịch ở mức thấp. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm nhẹ 2,73 điểm (-0,22%) còn 1.227,31 điểm; HNX-Index thêm 0,16 điểm (+0,07%) đạt 234,01 điểm; UPCoM-Index lùi 0,03 điểm (-0,04%) về mức 90,57 điểm. Thanh khoản thị trường giảm so với phiên trước đó với giá trị giao dịch đạt gần 20.100 tỷ đồng. Khối ngoại bán ròng mạnh gần 794 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Liên Bộ Tài chính - Bộ Công Thương thông báo tăng giá bán lẻ hầu hết các mặt hàng xăng dầu phổ biến trên thị trường trong kỳ điều chỉnh ngày 22/02.** Cụ thể, cơ quan quản lý quyết định giảm 356 đồng/lít đối với xăng E5 RON 92, xuống còn 22.475 đồng/lít; giảm 320 đồng/lít đối với xăng RON 95, xuống còn 23.599 đồng/lít. Như vậy, đây là lần thứ hai giá xăng giảm kể từ đầu năm 2024. Tương tự, giá dầu diesel giảm 451 đồng/lít, xuống 20.910 đồng/lít; dầu hỏa giảm 300 đồng/lít, xuống 20.921 đồng/lít. Trong khi đó, dầu mazut tăng 23 đồng/kg, lên 15.929 đồng/kg.



	22 Feb 24	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	103.96	-0.05%	-0.33%	2.59%
USD/CNY	7.19	0.07%	0.02%	1.36%
USD/EUR	0.92	-0.06%	-0.48%	1.97%
USD/JPY	150.51	0.15%	0.40%	6.70%
USD/KRW	1327.25	-0.43%	-0.10%	2.54%
USD/SGD	1.34	-0.10%	-0.22%	1.79%
USD/TWD	31.53	0.14%	0.70%	2.77%
USD/THB	35.94	0.20%	-0.33%	4.63%
USD/VND Trung tâm	23981	-0.05%	0.02%	0.48%
USD/VND LNH	24602	0.28%	0.58%	1.45%
USD/VND tự do	25148	0.56%	1.00%	1.65%
Vàng	2024.11	-0.04%	1.00%	-1.87%
Dầu WTI	78.61	0.90%	0.74%	9.71%



Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	5,25%	5,50%	26/7/2023	20/3/2024
Châu Âu	EUR	4,50%	4,75%	14/9/2023	7/3/2024
Anh	GBP	5,25%	5,25%	3/8/2023	21/3/2024
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/1/2016	19/3/2024
Australia	AUD	4,10%	4,35%	8/11/2023	19/3/2024

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

- Kinh tế Mỹ ghi nhận một số thông tin quan trọng.** S&P Global khảo sát cho thấy PMI lĩnh vực sản xuất tại Mỹ ở mức 51,5 điểm trong tháng 2, tăng từ 50,7 điểm của tháng trước đó và trái với dự báo giảm xuống mức 50,5 điểm. Ngược lại, PMI lĩnh vực dịch vụ giảm xuống còn 51,3 điểm trong tháng này từ mức 52,5 điểm của tháng 1, thấp hơn mức 52,4 điểm theo dự báo. Đây là mức PMI sản xuất tại Mỹ cao nhất mà S&P Global khảo sát được kể từ sau tháng 09/2022. Tiếp theo, tại thị trường lao động, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ tuần kết thúc ngày 17/02 ở mức 201 nghìn đơn, giảm xuống từ 213 nghìn đơn của tuần trước đó, trái với dự báo tăng nhẹ lên mức 217 nghìn. Số đơn bình quân 4 tuần gần nhất ở mức 215,215 nghìn, giảm 3,5 nghìn so với bình quân 4 tuần trước đó.
- Lĩnh vực sản xuất của Eurozone tiếp tục suy yếu trong khi lĩnh vực dịch vụ phục hồi.** Theo khảo sát của S&P Global, chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất tại Eurozone ở mức 46,1 điểm trong tháng 2, giảm xuống từ mức 46,6 điểm của tháng 1, trái với dự báo tăng nhẹ lên mức 47,0 điểm. PMI lĩnh vực dịch vụ của khu vực này tăng trở lại mức 50 điểm từ mức 48,4 điểm của tháng 1, vượt qua mức 48,8 điểm theo dự báo. Tại nước Đức nói riêng, PMI lĩnh vực sản xuất tháng 2 ở mức 42,3 điểm, chìm sâu hơn từ mức 45,5 điểm của tháng 1. PMI lĩnh vực dịch vụ ghi nhận mức 48,2 điểm, tăng nhẹ từ mức 47,7 điểm của tháng trước.
- Kinh tế Anh cũng ghi nhận các chỉ báo PMI quan trọng.** Khảo sát của S&P Global cho thấy PMI lĩnh vực sản xuất tại Anh ở mức 47,1 điểm trong tháng 2, không thay đổi nhiều so với mức 47,0 điểm của tháng 1 và vẫn thấp hơn mức 47,5 điểm theo dự báo. Bên cạnh đó, PMI lĩnh vực dịch vụ trong tháng này đi ngang tại mức 54,3 điểm trong tháng này, gần khớp với mức 54,2 điểm theo dự báo.

Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
22-02	2:00	***	Biên bản họp Fed T2			
22-02	16:00	***	PMI sơ bộ lĩnh vực sản xuất Eurozone T2	46.1	47.0	46.6
22-02	16:00	***	PMI sơ bộ lĩnh vực dịch vụ Eurozone T2	50.0	48.8	48.4
22-02	21:45	***	PMI sơ bộ lĩnh vực sản xuất Mỹ T2	51.5	50.5	50.7
22-02	21:45	***	PMI sơ bộ lĩnh vực dịch vụ Mỹ T2	51.30	52.4	52.5
23-02	14:00	*	GDP chính thức Eurozone Q4		-0.3	-0.3
23-02	16:00	**	Chỉ số niềm tin kinh doanh Đức Ifo T2		85.5	85.2

Thị trường chứng khoán

VN-INDEX



VN-Index gần như đi ngang, đóng cửa tại 1.230,04 điểm. Thị trường cho thấy đà tăng mạnh trong thời gian vừa qua đã chứng lại khi tiến gần tới vùng đỉnh kháng cự 1240 – 1250 điểm. Sự rung lắc có thể tiếp tục diễn ra trong những phiên sắp tới. VN-Index có thể sẽ điều chỉnh nhẹ và cân bằng trở lại trong ngắn hạn, tích lũy một thời gian trước khi tiếp tục đi lên thử thách lại ngưỡng đỉnh 1250 điểm.

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CVC Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn